TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 01/2017/QĐST-KDTM	*C, ngày 04 tháng 12 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 13, 14, 15 và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 24 tháng 11 năm 2017 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2017/TLST-KDTM ngày 04 tháng 10 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

Theo biên bản hòa giải thành ngày 24 tháng 11 năm 2017 thì ông Lê Công T, bà Võ Thị S tự nguyện nộp toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 10.367.000đ (Mười triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn đồng). Nhưng do ông T có làm đơn xin giảm tiền án phí do hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp sự kiện bất khả kháng, đang rất khó khăn và được Ủy ban nhân dân xã TA, huyện C xác nhận là sự thật vào ngày 27 tháng 11 năm 2017. Vì vậy, Tòa án giảm 50% trên phần số tiền án phí mà ông T, bà S có nghĩa vụ nộp bằng 2.591.000 đ (Hai triệu năm trăm chín mươi mốt nghìn đồng) là phù hợp với quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Địa chỉ: … PĐL, quận PN, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn P, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ, Phòng Giao dịch huyện C (Theo quyết định ủy quyền số 1089/QĐ-DAB-PC ngày 21/6/2016).

Địa chỉ Phòng Giao dịch huyện C: khóm .., thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*: Ông Lê Công T, sinh năm: 1961 và bà Võ Thị S, sinh năm: 1969.

Cùng nơi đăng ký HKTT: ấp NT, xã TA, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Cùng tạm trú: ấp LH, xã TA, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1) Anh Lê Hồng P, sinh năm: 1988;

2) Chị Lê Hồng Mỹ Th, sinh năm: 1994;

3) Chị Trần Thị Ngọc N, sinh năm: 1989;

4) Anh Lê Hồng Ngọc Th, sinh năm: 1998;

Người đại diện hợp pháp của chị Trần Thị Ngọc N và anh Lê Hồng Ngọc Th là: Ông Lê Công T, sinh năm: 1961 (Theo các văn bản ủy quyền cùng ngày 24/11/2017).

Cùng nơi đăng ký HKTT: ấp NT, xã TA, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Cùng tạm trú: ấp LH, xã TA, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Lê Công T và bà Võ Thị S có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ theo Hợp đồng tín dụng số K0542/1NT và Hợp đồng vay vốn số K01364/1 cùng ngày 06/11/2014 với tổng số tiền tính đến ngày 24/11/2017 là 418.350.000 đ (Bốn trăm mười tám triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó: Nợ gốc 300.000.000 đ (Ba trăm triệu đồng); Lãi trong hạn 80.900.000 đ (Tám mươi triệu chín trăm nghìn đồng); Lãi quá hạn 37.450.000 đ (Ba mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

- ***Về thời gian trả***: Ông Trần Văn P đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ và ông Lê Công T, bà Võ Thị S tự nguyện thỏa thuận thời gian trả do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C giải quyết theo Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày 25/11/2017, ông Lê Công T và bà Võ Thị S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số K0542/1NT và Hợp đồng vay vốn số K01364/1 cùng ngày 06/11/2014 cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng vay vốn các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà người vay vốn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng đã cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Lê Công T và bà Võ Thị S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện C kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo của khoản tiền vay để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp bất động sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số K0361-14/TCBL ngày 06/11/2014, được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã TA, huyện C ngày 06/11/2014. Tài sản thế chấp gồm: **Tài sản 1** là bất động sản tọa lạc tại ấp LH, xã TA, huyện C, tỉnh Trà Vinh với diện tích 1.333m^2, đất ở - đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 2094, tờ bản đồ số 12, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 093490, số vào sổ CH01250, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 14/11/2012 cho hộ bà Võ Thị S; **Nhà ở** cấp 4 một tầng, diện tích xây dựng 160m^2, diện tích sàn 160m^2, tại ấp LH,

xã TA, huyện C, tỉnh Trà Vinh, với kết cấu: khung BTCT - nền gạch đá ceramic - mái tol - trần thạch cao; **Tài sản 2** là bất động sản tọa lạc tại ấp LH, xã TA, huyện C, tỉnh Trà Vinh với diện tích 970m^2, đất cây ăn quả, thuộc thửa 28B, tờ bản đồ số 12, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 500764, số vào sổ QSDĐ/211-UBH, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 05/6/1996, hộ bà Võ Thị S nhận chuyển nhượng và đứng tên quyền sử dụng ngày 08/12/2006.

- ***Về án phí sơ thẩm***:

Ông Lê Công T và bà Võ Thị S nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 7.776.000 đ (Bảy triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.530.000 đ (Mười triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng) theo các Biên lai thu số AA/2015/0012586 ngày 03/10/2017 và AA/2015/0012668 ngày 08/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

<u>Nơi nhận</u>:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thanh Thảo